

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13-01-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 232/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trường T; nơi cư trú: G sts 8^a 60528 F, Cộng hòa Liên bang Đức;

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Thu H; nơi cư trú: Thôn QH, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn anh Nguyễn Trường T (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) trình bày:

Anh và chị Bùi Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng vào ngày 11 tháng 4 năm 2015. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại gia đình chị H một thời gian ngắn, sau đó anh trở về Cộng hòa Liên bang Đức sinh sống. Sau một thời gian chung sống, anh và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn bắt nguồn từ việc vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng xa cách nhau lâu ngày và anh không bảo lãnh được chị H sang đoàn tụ gia

đình tại Đức. Nay, anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh T đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị H..

Về con chung, tài sản chung: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt của bị đơn chị Bùi Thị Thu H trình bày:

Chị thống nhất với anh Nguyễn Trường T về quá trình kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh T ly hôn với nhau.

Về con chung, tài sản chung: Chị H thống nhất với anh T về con chung, tài sản chung: Vợ chồng không có con chung, tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Trường T và chị Bùi Thị Thu H đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn chị Bùi Thị Thu H hiện đang sinh sống ở thành phố Hải Phòng, nguyên đơn anh Nguyễn Trường T đang sinh sống ở nước ngoài (Cộng hòa Liên bang Đức), theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trường T và chị Bùi Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng vào ngày 11 tháng 4 năm 2015, theo Điều 9, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn, anh Nguyễn Trường T phải trở về Cộng hòa Liên bang Đức, chị H sinh sống tại Việt Nam. Chính sự xa cách về địa lý nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống. Cuộc sống của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc, mặt khác anh T không đủ điều kiện bảo lãnh chị H sang Đức để vợ chồng đoàn tụ. Anh chị đã sống ly thân với nhau trong thời gian dài. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh

Nguyễn Trường T và chị Bùi Thị Thu H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, không có khả năng đoàn tụ nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh T.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Trường T và chị Bùi Thị Thu H đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết .

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trường T và chị Bùi Thị Thu H đều xác nhận không tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết .

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Trường T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trường T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trường T được ly hôn chị Bùi Thị Thu H.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Trường T và chị Bùi Thị Thu H xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trường T và chị Bùi Thị Thu H xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Trường T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm . Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0019181 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Trường T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Thu H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Nguyễn Trường T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Biên Nguyễn Thị Mai Vinh

Nguyễn Xuân Tuyến

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

Nguyễn Xuân Tuyền

